TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18/02/2022.
V/v: "Ly hôn giữa chị H và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Xuân Tiến.

Ông Nguyễn Văn Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Nguyệt- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 184/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/11/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị H; Sinh năm: 1983*(Vắng mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Thôn Thượng, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Nơi ở: Số 54/1 Bùi Thị Xuân, phường 5, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí M.

Bị đơn:Anh Đỗ Đức T; Sinh năm: 1979*(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn Thượng, xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2021 được bổ sung tại bản tự khai ngày 06/01/2022, nguyên đơn chị Đoàn Thị H trình bày: Chị và anh Đỗ Đức T kết hôn vào ngày 20/11/2008, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường. Tuy nhiên, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

là do vợ chồng không hòa hợp, hay cãi vã. Từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã thực sự đổ vỡ, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Đức T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Đỗ Anh T, sinh ngày 16/10/2009 và Đỗ Phương M, sinh ngày 20/10/2015. Hiện con chung Anh T đang ở cùng anh, còn cháu M ở cùng chị. Nay ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung M, cháu T để anh T nuôi.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Đoàn Thị H vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 06/12/2021 bị đơn anh Đỗ Đức T có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Anh và chị Đoàn Thị H kết hôn vào năm 2008, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự hòa hợp trong sinh hoạt chăn gối. Từ năm 2018 cho đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý. Vì lý do thứ nhất anh là người công giáo và lý do thứ hai là anh không muốn các con lớn lên có bố thì không có mẹ bên cạnh. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Đỗ Anh T, sinh ngày 16/10/2009 và Đỗ Phương M, sinh ngày 20/10/2015. Hiện con chung Anh T đang ở cùng anh . Còn con chung Phương M đang ở cùng chị. Nếu trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh đề nghị nuôi cháu T còn cháu M thì để chị H nuôi. Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại chính quyền địa phương cho thấy: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị H và anh T, UBND xã không nắm được do các đương sự nộp đơn tại Tòa án, địa phương không tổ chức hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị H và anh Đỗ Đức T. Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Phương M, sinh ngày 20/10/2015; Giao cho anh Đỗ Đức T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Anh T, sinh ngày 16/10/2009. Chị H, anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị H phải nộp 300.000 đồng án

phí ly hôn. Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị H, anh Đỗ Đức T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Đỗ Đức T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]Về việc kết hôn: Chị Đoàn Thị H và anh Đỗ Đức T kết hôn vào ngày 21 tháng 11 năm 2008, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Vì vậy,đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3]Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2017-2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hòa hợp về tính cách, bất đồng về tính cách. Anh chị có thời gian sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh T không đồng ý. Tuy nhiên, trong suốt thời gian ly thân cũng như quá trình giải quyết vụ án anh T và chị H không có biện pháp hữu hiệu nào để hàn gắn, đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ anh chị không còn tha thiết với cuộc sống chung vợ chồng nữa. Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị H đối với anh Đỗ Đức T.

[4]Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Đỗ Anh T, sinh ngày 16/10/2009 và Đỗ Phương M, sinh ngày 20/10/2015. Hiện con chung Anh T đang ở cùng anh T. Còn con chung Phương M ở cùng chị H. Trên cở sở xem xét yêu cầu của các đương sự cũng như nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử thấy: Để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của các con chung nên giao con chung Đỗ Phương M cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Đỗ Anh T cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H, anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

[5]Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị H phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị H, anh Đỗ Đức T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị H và anh Đỗ Đức T.

2.Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Phương M, sinh ngày 20/10/2015; Giao cho anh Đỗ Đức T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Anh T, sinh ngày 16/10/2009. Chị H, anh T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Chị H, anh T có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0004510 ngày 26/11/2021.

4.Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị H, anh Đỗ Đức T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Cường

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.